

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính
không liên thông cấp tỉnh, cấp huyện trong lĩnh vực Tài nguyên nước
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của
Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ
tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày
23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên
thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ
trưởng Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của
Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực
hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2022 của
Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh
Bình Định nhiệm kỳ 2021 – 2026;*

*Căn cứ Quyết định số 72/2020/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, một cửa
liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục
hành chính trên địa bàn tỉnh;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình
số 529/TTr-STNMT ngày 16 tháng 5 năm 2023 và Tờ trình số 537/TTr-
STNMT ngày 17 tháng 5 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này quy trình nội bộ giải quyết 13
thủ tục hành chính không liên thông cấp huyện, cấp tỉnh trong lĩnh vực Tài
nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi
trường;

Điều 2. Quyết định này sửa đổi, bổ sung Quyết định số 5300/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2020 và Quyết định 845/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính liên thông trong lĩnh vực Tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định này thiết lập quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống phần mềm một cửa điện tử của tỉnh theo quy định;

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký ban hành./

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- VNPT Bình Định;
- TT THCB, P. HCTC.
- Lưu: VT, K4, KSTT ^(C).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Hải Giang

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT 13 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH KHÔNG LIÊN THÔNG
TRONG LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

**I. DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT 11 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH KHÔNG LIÊN THÔNG ĐƯỢC
TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ TRẢ KẾT QUẢ TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG TỈNH**

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
1.	-	Đăng ký khai thác sử dụng nước mặt, nước biển (cấp tỉnh) 1.011516.000.00.00.H08	10 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	- Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc - Chuyên viên giải quyết: 6,5 ngày làm việc - Lãnh đạo Phòng thông qua kết quả: 01 ngày làm việc	01 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 946/QĐ- UBND ngày 29/3/2023

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
2.	-	Đăng ký khai thác nước dưới đất (cấp tỉnh) 1.011517.000.00.00.H08	15 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	- Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc - Chuyên viên giải quyết: 11,5 ngày làm việc - Lãnh đạo Phòng thông qua kết quả: 01 ngày làm việc	01 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 946/QĐ- UBND ngày 29/3/2023
3.	-	Trả lại giấy phép tài nguyên nước (cấp tỉnh) 1.011518.000.00.00.H08	10 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	- Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc - Chuyên viên giải quyết: 6,5 ngày làm việc - Lãnh đạo Phòng thông qua	01 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 946/QĐ- UBND ngày 29/3/2023

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
					kết quả: 01 ngày làm việc			
4.	STT 01, Quyết định số 5300/QĐ-UBND, ngày 25/12/2020	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm 1.004232.000.00.00.H08	25 ngày làm việc (Thời gian bổ sung, hoàn thiện không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh: 18 ngày làm việc)	0,5 ngày làm việc	- Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc - Chuyên viên giải quyết: 21 ngày làm việc - Lãnh đạo Phòng thông qua kết quả: 1,5 ngày làm việc	01 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 946/QĐ-UBND ngày 29/3/2023
5.	STT 03,	Gia hạn, điều chỉnh nội	31 ngày làm	0,5 ngày	- Lãnh đạo Phòng Tài nguyên	01 ngày	0,5 ngày	Quyết định

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	Quyết định số 5300/QĐ-UBND, ngày 25/12/2020	dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m3/ngày đêm 1.004228.000.00.00.H08	việc (Thời gian bổ sung, hoàn thiện không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh: 18 ngày làm việc)	làm việc	nước và Khí tượng thủy văn phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc - Chuyên viên giải quyết: 27 ngày làm việc - Lãnh đạo Phòng thông qua kết quả: 1,5 ngày làm việc	làm việc	làm việc	số 946/QĐ-UBND ngày 29/3/2023
6.	STT 06, Quyết định số 5300/QĐ-	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp,	Đối với trường hợp Cấp giấy	0,5 ngày làm việc	- Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn phân công thụ lý: 0,5 ngày	01 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 946/QĐ-UBND ngày 29/3/2023

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	UBND, ngày 25/12/2020	nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2m ³ /giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m ³ , hoặc lưu lượng khai thác từ 2m ³ /giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m ³ , hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m ³ /ngày	phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 1.000.000 m³ /ngày đêm: 36 ngày làm việc (Thời gian bổ sung, hoàn thiện không tính vào thời gian thẩm		làm việc - Chuyên viên giải quyết: 32 ngày làm việc - Lãnh đạo Phòng thông qua kết quả: 1,5 ngày làm việc			

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
		đem; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 1.000.000 m ³ /ngày đêm 1.004179.000.00.00.H08	định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh: 18 ngày làm việc					
7.	STT 07, Quyết định số 5300/QĐ-UBND, ngày 25/12/2020	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2m ³ /giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu	Đối với trường hợp Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục	0,5 ngày làm việc	- Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc - Chuyên viên giải quyết: 27 ngày làm việc - Lãnh đạo Phòng thông qua kết quả: 1,5 ngày làm việc	01 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 946/QĐ-UBND ngày 29/3/2023

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, tra kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
		m ³ , hoặc lưu lượng khai thác từ 2m ³ /giờ trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m ³ , hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m ³ /giờ; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m ³ /ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 1.000.000 m ³	đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 1.000.000 m³/ngày đêm: 31 ngày làm việc					

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
		/ngày đêm 1.004167.000.00.00.H08	(Thời gian bổ sung, hoàn thiện không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh: 18 ngày làm việc)					
8.	STT 01, Quyết định số 3949/QĐ-	Cấp lại giấy phép tài nguyên nước	Đối với trường hợp Cấp lại giấy	0,5 ngày làm việc	- Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn phân công thụ lý: 0,5 ngày	01 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 946/QĐ-UBND ngày 29/3/2023

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	UBND, ngày 25/9/2021	1.000824.000.00.00.H08	phép thăm dò nước dưới đất và Cấp lại giấy phép khai thác sử dụng nước biển: 13 ngày làm việc (Thời gian bổ sung, hoàn thiện không tính vào thời gian thăm định báo cáo. Thời gian thăm định sau khi báo cáo		làm việc - Chuyên viên giải quyết: 09 ngày làm việc - Lãnh đạo Phòng thông qua kết quả: 1,5 ngày làm việc			

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
			được bổ sung hoàn chỉnh: 18 ngày làm việc)					
9.	STT 30, Quyết định số 845/QĐ-UBND ngày 12/03/2020	Cấp Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ 1.004122.000.00.00.H08	21 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	- Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc - Chuyên viên giải quyết: 17 ngày làm việc - Lãnh đạo Phòng thông qua kết quả: 1,5 ngày làm việc	01 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 1514/QĐ-UBND ngày 05/05/2023
10.	STT 17, Quyết định số 845/QĐ-	Cấp lại Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	11 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	- Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn phân công thụ lý: 0,5 ngày	01 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 1514/QĐ-UBND ngày

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	UBND ngày 12/03/2020	1.004253.000.00.00.H08			làm việc - Chuyên viên giải quyết: 07 ngày làm việc - Lãnh đạo Phòng thông qua kết quả: 1,5 ngày làm việc			05/05/2023
11.	STT 31, Quyết định số 845/QĐ- UBND ngày 12/03/2020	Gia hạn, điều chỉnh nội dung Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất có quy mô vừa và nhỏ 2.001738.000.00.00.H08	16 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	- Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc - Chuyên viên giải quyết: 12 ngày làm việc - Lãnh đạo Phòng thông qua kết quả: 1,5 ngày làm việc	01 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 1514/QĐ- UBND ngày 05/05/2023
Tổng cộng: 11 TTHC								

II. DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT 02 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH KHÔNG LIÊN THÔNG ĐƯỢC TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ TRẢ KẾT QUẢ TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA CẤP HUYỆN

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Bộ một cửa huyện/thị xã/thành phố (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo UBND huyện/thị xã/thành phố (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Bộ một cửa huyện/thị xã/thành phố)	
1.	STT 01-PL 02, Quyết định số 845/QĐ-UBND ngày 12/03/2020	Đăng ký khai thác nước dưới đất 1.001662.000.00.00.H08	10 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	- Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc - Chuyên viên giải quyết: 05 ngày làm việc - Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường duyệt kết quả: 1,5 ngày làm việc	02 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 946/QĐ-UBND ngày 29/3/2023
2.	STT 02-PL 02, Quyết định số 845/QĐ-UBND ngày 12/03/2020	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn	Đối với các dự án không có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh					
			30 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	- Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường phân công thụ	02 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 946/QĐ-

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Bộ một cửa huyện/thị xã/thành phố (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo UBND huyện/thị xã/thành phố (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Bộ một cửa huyện/thị xã/thành phố)	
		nước nội tỉnh 1.001645.000.00.00.H08			lý: 0,5 ngày làm việc - Chuyên viên giải quyết: Đề xuất Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức các buổi làm việc, cuộc họp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để cho ý kiến về công trình dự kiến xây dựng hoặc đối thoại trực tiếp với chủ dự án: 25 ngày làm việc - Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi			UBND ngày 29/3/2023

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Bộ một cửa huyện/thị xã/thành phố (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo UBND huyện/thị xã/thành phố (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Bộ một cửa huyện/thị xã/thành phố)	
					trường duyệt kết quả: 1,5 ngày làm việc			
			Đối với dự án có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh					
			40 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	- Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc - Chuyên viên giải quyết: Đề xuất Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức các buổi làm việc, cuộc họp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để cho ý kiến về công	02 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 946/QĐ- UBND ngày 29/3/2023

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Bộ một cửa huyện/thị xã/thành phố (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo UBND huyện/thị xã/thành phố (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Bộ một cửa huyện/thị xã/thành phố)	
					trình dự kiến xây dựng hoặc đối thoại trực tiếp với chủ dự án: 35 ngày làm việc - Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường duyệt kết quả: 1,5 ngày làm việc			
Tổng cộng: 02 TTHC								